TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 18/4/2019.
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý A Thu và bà Dương Thị Hữu.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2019/TLST-HN&GĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị X; sinh năm: 1986. Trú tại: Bản N 2, xã M, huyện C, tỉnh Sơn la, (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lò Văn H; sinh năm: 1982. Trú tại: Bản M, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên, hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Phân trại 1, Đội 24 Trại giam Y, huyện P, tỉnh Sơn La (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 12 năm 2018, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị X trình bày:

+ **Về hôn nhân**: Chị Đinh Thị X và anh Lò Văn H kết hôn ngày 06/01/2005, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị X xin được ly hôn anh H.

+ **Về con chung**: Chị Đinh Thị X và anh Lò Văn H có 01 người con chung là cháu Lò Đình K; sinh ngày 08/4/2006, hiện nay đang ở cùng chị X. Khi ly hôn chị X có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu K, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con vì anh H chưa có điều kiện cấp dưỡng.

+ Tài sản chung: Không có giá trị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị Đinh Thị X khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/01/2019, anh Lò Văn H trình bày:

+ Về hôn nhân: Anh và chị Xuân kết hôn ngày 06/01/2006, cuộc sống hạnh phúc cho đến khi anh phạm tội phải đi chấp hành án phạt tù thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Đến nay, chị Xuân xin ly hôn anh không nhất trí vì anh đang phải chấp hành án.

+ Về con chung: Anh nhất trí như lời khai của chị X, hiện nay cháu đang ở cùng ông bà và các bác bên ngoại ở bản N, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Anh không yên tâm khi giao con cho chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu.

+ Về tài sản chung: Không có tài sản nào đáng giá để chia.

Nợ phải trả: Không có.

Anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh vì đang chấp hành án phạt tù không thể tham gia tố tụng được. Anh xác nhận đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định Đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa và các văn bản tố tụng khác của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Vị đại diện VKS phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký, HĐXX từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án đảm bảo đúng qui định của BLTTDS. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 luật HNGĐ chấp nhận yêu cầu của chị X, xử cho chị X được ly hôn với anh H. Giao cháu Lò Đình K cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục vì chị Xuân có nhà ở, có thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi cháu. Anh H chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng vì chưa có điều kiện. Về án phí, chị X phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Lò Văn H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh H tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt anh H tại phiên tòa.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc xin ly hôn giữa chị Đinh Thị X và anh Lò Văn H.

[3] Về hôn nhân: Chị Đinh Thị X và anh Lò Văn H tự nguyện kết hôn năm 2005, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Anh H hay rượu chè dẫn đến vợ chồng luôn luôn trong tình trạng căng thẳng. Năm 2014, anh H vi phạm pháp luật bị kết án và phải chấp hành án phạt tù tại trại giam Y, huyện P, tỉnh Sơn La nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, cuộc sống chung giữa anh chị không có hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa anh, chị đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Vấn đề này được thể hiện tại lời khai của chị X, anh H và kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án và Tòa án đã ủy thác cho Tòa án huyện M, tỉnh Sơn La xác minh tại Chính quyền địa phương xã N, huyện M, tỉnh Sơn La.

Xét ý kiến không nhất trí ly hôn của anh Lò Văn H là không có căn cứ, bởi lẽ ý kiến của anh không được chị X chấp nhận. Hơn nữa, anh H đã vi phạm pháp luật hình sự phải đi chấp hành án phạt tù đồng nghĩa với việc vi phạm nghiêm trọng về trách nhiệm và nghĩa vụ của người chồng trong việc quan tâm, chăm sóc chia sẻ việc gia đình, trách nhiệm nuôi con chung với người vợ làm cho mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc qui định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy mâu thuẫn của anh, chị đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X, xử cho chị X được ly hôn anh H.

[4] Về con chung: Chị X và anh H có 01 người con chung là cháu Lò Đinh K, sinh ngày 08/4/2006.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị X thấy rằng: Chị X có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập, có nhà ở đảm bảo các điều kiện nuôi cháu. Anh H đang phải chấp hành án phạt tù không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Nguyện vọng cháu K cũng muốn được ở cùng me. Cần áp dụng điều 81 luật HNGĐ giao cháu K cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh H chưa có điều kiện cấp dưỡng nên chị X chưa yêu cầu nên HĐXX không xem xét vấn đề cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung: Tài sản của anh chị không có giá trị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ phải trả: Hai anh chị không có nợ phải trả không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Đinh Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Xét đề nghị của VKSND huyện Tuần Giáo về quan điểm giải quyết các vấn đề của vụ án như trên là có căn cứ, phù hợp với qui định của Luật HNGĐ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 25, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đinh Thị X được ly hôn anh Lò Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Đình K, sinh ngày 08/4/2006 cho chị Đinh Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Khải đủ 18 tuổi. Anh Lò Văn H chưa cấp dưỡng nuôi con. Anh Lò Văn H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở, anh H và chị X được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Tài sản của anh chị không có giá trị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Hai anh chị không có nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

5. Án phí: Chị Đinh Thị X phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, chị X được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2010/05580 ngày 20/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo. Chị Đinh Thị X đã nộp đủ án phí.

Chị Đinh Thị X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 18.4.2019). Anh Lò Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh;
- VKSND Tuần Giáo.
- Đương sự;
- UBND xã Nà Mường.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thương